**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp, hợp tác: thể hiện trong các hoạt động làm bài tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

-Vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.

**3. Về phẩm chất:**Trung thực, chăm chỉ trong quá trình thực hiện các hoạt động học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị**

- Kế hoạch bài dạy.

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ, bút lông

**2. Học liệu**

SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK, PHT, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề** *(Dự kiến thời lượng: 10 phút)*

***a) Mục tiêu:*** Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***b) Nội dung:*** Vấn đáp qua bài tập nhanh.

***c) Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: trình chiếu các ví dụ:

*a)”Giữa dòng đời vạn thính thì bản lĩnh né thính càng cao.”*

*b)”Các bạn trẻ tiếc nuối vì ra sức đẩy thuyền nhưng thần tượng lại không thành đôi.”*

 Và đặt câu hỏi:

*?Trong các ví dụ trên thì những từ ngữ nào mà thế hệ ông bà của chúng ta sẽ không hiểu?*

*?Những từ ngữ này được sử dụng phổ biến ở đâu? Do ai sử dụng?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

-HS: quan sát và đọc các ví dụ, suy nghĩ cá nhân.

-GV: gợi mở nếu HS không rõ nhiệm vụ, hay câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

-HS: trả lời và nhận xét, bổ sung cho nhau.

-GV: dẫn dắt, gợi mở nếu HS gặp khó khăn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét, kết luận các câu trả lời của HS, giới thiệu vào bài học và nhiệm vụ học tập: *Trong các ví dụ trên có một số từ mà thế hệ bố mẹ, ông bà sẽ không hiểu, đó là từ: “thính”, “né thính”, “đẩy thuyền”. Bởi các từ ngữ này của giới trẻ sử dụng, đặc biệt là trên mạng xã hội. Hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu một kiến thức Tiếng việt khá thú vị. Đó là: “Biệt ngữ xã hội”.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** *(Dự kiến thời lượng: 20 phút)*

**TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

***a. Mục tiêu*:** Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

***b. Nội dung*:** Vấn đáp

***c. Sản phẩm học tập:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV: lần lượt đặt các câu hỏi:*?Những từ ngữ cô trò chúng ta vừa phát hiện ở ví dụ trên được gọi là biệt ngữ xã hội. Vậy theo em hiểu biệt ngữ xã hội là gì?**?Em hãy nêu thêm một vài biệt ngữ xã hội mà em biết?**?Việc sử dụng biệt ngữ xã hội có chức năng gì?**?Theo em việc sử dụng biệt ngữ xã hội đem lại giá trị gì trong văn chương và trong đời sống.**✡Tích hợp bài tập 3: Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta có thể sử dụng các biệt ngữ xã hội không? Vì sao?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**HS lắng nghe và suy nghĩ.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**-HS trả lời cá nhân, nhận xét cho bạn.-GV dẫn dắt, gợi ý khi cần thiết.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV:*Từ khi mạng xã hội phát triển đa dạng thì BNXH cũng không ngừng phát triển, đặc biệt là trong giới trẻ. Nếu không thường xuyên tham gia mạng xã hội thì chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình giao tiếp hiện nay, bởi chúng ta không hiểu hoặc hiểu nhầm nghĩa BNXH mà đối phương sử dụng. Thế nên khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta không nên sử dụng BNXH sẽ làm cho người đọc không hiểu. Tuy nhiên nếu tác phẩm văn học đó có sử dụng BNXH thì việc chúng ta lặp lại BNXH đó trong bài viết là điều hiển nhiên.* | I.TRI THỨC TIẾNG VIỆT-Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác,..).-Ví dụ: +“*quẩy*”: vui chơi thoải mái, hết mình.(giới trẻ)+“*đớp thính*”:tỏ ra bằng lòng trước lời tán tỉnh của đối phương.(giới trẻ)+“*đào mộ*”: là hành động đào bới những thông tin cũ, hình ảnh xưa của người nào đó.(giới trẻ)+”*xị, lít, cành, củ”:* đơn vị tiền (giới trẻ)+“*cớm*”: chỉ cảnh sát.(các băng nhóm làm việc trái pháp luật)+”*trúng tủ*”: học trúng bài có trong đề thi.(học sinh)-Chức năng: để giữ bí mật trong phạm vi nhóm của mình.-Giá trị:+Trong văn chương: làm cho câu chuyện, nhân vật chân thật hơn.+Trong đời sống: làm cho vốn từ ngữ trở nên phong phú hơn. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** *(Dự kiến thời lượng: 50 phút)*

**NV1: Vòng 1**

***a. Mục tiêu:*** Tìm và nêu được ý nghĩa của các biệt ngữ xã hội.

***b. Nội dung:*** Thảo luận nhóm để thực hiện bài tập 1+4.

***c. Sản phẩm:*** Đáp án đúng của các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV: Chia lớp thành 4 đội cùng thực hiện bài tập 1a và bài tập 4 theo mẫu biểu bảng trong 10 phút. Bầu 01 thư ký để ghi nhận điểm số của từng đội và điều hành hoạt động.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**HS: Nhận giấy, bút và phân công nhiệm vụ tiến hành thảo luận.GV: Theo dõi và hỗ trợ nếu cần.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**HS: Các đội dán sản phẩm lên bảng.GV: Yêu cầu thư ký điều hành: Gọi đại diện đội có kết quả nhanh nhất trình bày; Cho các đội nhận xét chéo và cho điểm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV: Yêu cầu thư ký tổng kết điểm của các đội sau vòng 1, nhận xét quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đội, thông báo những cơ hội gia tăng điểm số ở các vòng sau. | II.THỰC HÀNH

|  |  |
| --- | --- |
| **Biệt ngữ xã hội** | **Ý nghĩa/Tác dụng** |
| ***Chém gió*** | [Nói](https://vi.wiktionary.org/wiki/n%C3%B3i) nhữngchuyện [phiếm](https://vi.wiktionary.org/wiki/phi%E1%BA%BFm) cho vui, thường [bịa đặt](https://vi.wiktionary.org/wiki/b%E1%BB%8Ba_%C4%91%E1%BA%B7t) thêm một phần hay [phóng đại](https://vi.wiktionary.org/wiki/ph%C3%B3ng_%C4%91%E1%BA%A1i), [nói quá](https://vi.wiktionary.org/w/index.php?title=n%C3%B3i_qu%C3%A1&action=edit&redlink=1) lên một chút. |
| ***Nổ*** | Nói về mình hoặc những gì mình biết với sự thổi phồng quá đáng.  |
| ***Tắt đài*** | Im bặt, không phản pháo |
| ***Phá đám*** | Quấy rối để làm hỏng công việc hoặc cuộc vui của những người khác. |
| **Tác dụng:** Việc sử dụng BNXH trong tác phẩm văn học phù hợp với lứa tuổi và tính cách của nhân vật, từ đó làm cho cuộc đối thoại của các nhân vật chân thực hơn. |

 |

**NV2:Trò chơi giữa giờ**

***a. Mục tiêu*:**- Thấy được sự biến hóa của các thành ngữ, cụm từ thường dùng.

 - Biết sử dụng thành ngữ, tục ngữ hợp với văn cảnh.

***b. Nội dung*:** Tích hợp giải quyết bài tập 5.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời đúng của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV: Trình chiếu một số tục ngữ và cụm từ mới do giới trẻ phát triển nhưng bỏ trống một vài từ và yêu cầu HS điền từ còn trống vào cho thích hợp. Cá nhân của đội nào trả lời đúng thì cộng thêm điểm cho đội đó. Sau đó đặt các câu hỏi:*?Em hiểu gì về ý nghĩa của các cụm từ này?**?Khi nào thì mình sẽ sử dụng tục ngữ, thành ngữ này?**?Em có nhận xét gì về các cụm từ mới?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**HS: đọc và suy nghĩ.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**HS: phát biểu cá nhân.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV:nhận xét và chốt lại kiến thức: Xã hội phát triển và thay đổi không ngừng làm phát sinh những từ ngữ mới, không dừng lại ở từ ngữ mà thế hệ trẻ còn cải biên các tục ngữ, thành ngữ. Các cụm từ mới này nghe rất hợp thời, hài hước mà lại dễ nhớ, dễ thuộc những không thể xem là chân lý của mọi thời. | **II.THỰC HÀNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tục ngữ xưa** | **Cụm từ mới** |
| Thất bại là mẹ thành công. | Thất bại vì (ngại) thành công. |
| (Một điều nhịn là chín điều lành.) | Một điều nhịn là chín điều nhục. |
| Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ. | Một con ngựa đau, cả tàu bỏ… (chạy) |
| Được voi đòi tiên. | Được voi đòi (Hai Bà Trưng.) |
| *Có chí làm quan, có gan làm giàu.* | *Có chí làm quan, có gan (thì làm pate.)* |
| Cá ăn kiến, kiến ăn cá | Em nai vàng ngơ ngác, (quần chết bác ngựa săn.) |
| (Đũa mốc chòi mâm son) | Cống rãnh sóng sánh với đại dương. – Chim cú đú phượng hoàng. |
| Ăn trông nồi, ngồi trông hướng | Ăn trông nồi, (ngồi chờ… dọn sẵn) |

 |

**NV3:Vòng 2**

***a. Mục tiêu*:** Phát hiện thêm các biệt ngữ xã hội đang được sử dụng.

***b. Nội dung*:** Thảo luận lần 2 để thực hiện bài tập 2.

***c. Sản phẩm*:** Sản phẩm đúng của các đội.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV: Yêu cầu các đội thảo luận và thực hiện tiếp bài tập số 2 trong vòng 10 phút.Đặt câu hỏi phụ ở cuối hoạt động**:** *Theo em, BNXH có mất đi không?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**HS: Tiến hành thực hiện nhiệm vụ, có thể sử dụng nguồn internet.GV: Quan sát HS thực hiện.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**HS : Dán sản phẩm lên bảng.GV: Yêu cầu thư ký điều hành hoạt động: Lần lượt quan sát sản phẩm của các đội, cho các đội nhận xét, góp ý nhau, đội tìm được nhiều BNXH và nêu ý nghĩa đầy đủ nhất sẽ là đội cao điểm nhất. Đội nào có câu trả lời của câu hỏi phụ thì được cộng điểm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV yêu cầu thư ký tổng điểm của các đội, nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của các đội. Cho điểm đội thực hiện xuất sắc nhất trong buổi học. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** *(Dự kiến thời lượng: 10 phút/ Có thể giao về nhà)*

***a. Mục tiêu*:** Vận dụng được thành ngữ trong giao tiếp.

***b. Nội dung*:** Cá nhân thực hiện bài tập 6+7.

***c. Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV gọi HS đọc và tìm thành ngữ có trong bài tập 6.GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân bài tập 7 vào vở.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**HS đọc bài tập và thực hiện bài tập vào vở.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi HS trả lời miệng bài tập 6 và đọc bài làm của bài tập 7.HS trả lời và đọc bài làm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét, chỉnh sửa bài tập, đánh giá cả tiết học; dặn dò nội dung chuẩn bị cho tiết học sau. |